

Số: 4487 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động chấm dứt
hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp
do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về
một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn
do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao
động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh về việc
triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ. Quyết
định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về
thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp
khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 189/TTr-SLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp
đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp gặp khó
khăn do dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7
năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số người lao động được hỗ trợ: 01 người.
2. Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người (Theo Điều 22 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ).
3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động được hỗ trợ.

4. Tổng kinh phí: 3.710.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu, bảy trăm mười nghìn đồng*).

(*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

5. Nguồn kinh phí: Theo quy định tại khoản 2 Mục III Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính tham mưu cấp bổ sung nguồn kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để chi trả kịp thời cho đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và hướng dẫn việc thanh, quyết toán theo quy định.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của kết quả thẩm định đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ; thực hiện chi trả và thanh, quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT. VX.LĐhotr213



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục : DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP GẤP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Số CMT/ Thẻ CCCD | Hộ khẩu thường trú | Tạm trú | Điện thoại liên hệ | Thời điểm chấm dứt HĐLĐ (ngày tháng năm) | Doanh nghiệp đã làm việc trước khi chấm dứt HĐLĐ | Số số BHXH | Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung | | | | Số tiền hỗ trợ (đồng) | Tài khoản của NLD nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng) | Ghi chú | |
|------------------|-------------|-----------------------|------------|------------------|--|---------|--------------------|--|--|------------|---------------------------------------|--------|-----------------------------|--------|-----------------------|--|--|--|
| | | Nam | Nữ | | | | | | | | Thông tin của con dưới 06 tuổi | | Thông tin của vợ hoặc chồng | | | | | |
| | | | | | | | | | | | Đang mang thai tháng thứ | Họ tên | Năm sinh | Họ tên | | | | Số CMT/ Thẻ CCCD |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| 1 | Lê Thu Hiền | | 31/03/1994 | 024881994 | 116/10 Tân Hòa Đông, P 14, Q 6, tp HCM | | 0908687525 | 11/08/2021 | Công ty CP gang thép Nghi Sơn | 7933313714 | | | | | | 3.710.000 | Tên TK: Lê Thu Hiền Số TK: 107870917548 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) | Người lao động làm việc tại văn phòng đại diện ở TP. Hồ Chí Minh, thuộc khu vực áp dụng Chỉ thị 16 |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | | 3.710.000 | | |